

Bản án số: 19/2019/HNGĐ-ST
Ngày 24/7/2019
V/v “Ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM BẢNG, TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Nguyệt.

Các Hội thẩm nhân dân: + Bà Trần Thị Nhân.
+ Bà Lê Thị Kiểm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Hiền - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị An - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 85/2019/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2019 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2019 giữa:

Nguyên đơn: Anh Phạm Khắc T, sinh năm 1991.

Địa chỉ: T 2, thị trấn Q, huyện K, tỉnh Hà Nam. Có mặt.

Bị đơn: Chị Vũ Thị N, sinh năm 1991.

Địa chỉ: T 2, thị trấn Q, huyện K, tỉnh Hà Nam. Có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn ly hôn và quá trình xét xử, anh Phạm Khắc T là nguyên đơn trình bày: Anh và chị Vũ Thị N kết hôn tự nguyện, được tự do tìm hiểu và có đăng ký ngày 10/11/2013 tại UBND thị trấn Q, huyện K, tỉnh Hà Nam. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian ngắn thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng sống không hợp nhau nên thường xuyên xảy ra to tiếng, cãi chửi nhau, không quan tâm đến nhau. Vợ chồng sống ly thân và chấm dứt quan hệ vợ chồng từ tháng 9 năm 2018 cho đến nay. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, anh đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết cho anh được ly hôn với chị N.

Tại bản tự khai của đương sự ngày 25/6/2019, chị Vũ Thị N là bị đơn trình bày: Về thời gian, điều kiện kết hôn, thời gian chung sống và thời gian sống ly thân, nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng đúng như anh T trình bày. Nay anh T ly hôn chị, chị hoàn toàn nhất trí vì xác định tình cảm vợ chồng không còn. Do công việc bận chị không tham gia tại toà được, chị đề nghị Tòa án cho chị vắng mặt tại phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt chị.

Về con chung: Anh Phạm Khắc T và chị Vũ Thị N trình bày vợ chồng có một con chung là cháu Phạm Bảo N, sinh ngày 11/5/2014. Hiện nay cháu N đang ở với chị N. Khi ly hôn anh T và chị N thống nhất giao cháu N cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục. Anh T cấp dưỡng cho con 1.500.000đồng/tháng, kể từ tháng 7/2019 cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi, lao động tự lập được.

Về con riêng: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, riêng, công sức đóng góp và diện tích đất nông nghiệp, công nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Tại phiên tòa đương sự vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày, không thay đổi bổ sung gì. Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng theo quy định pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Phạm Khắc T. Xử: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Phạm Khắc T và chị Vũ Thị N. Về con chung: Giao cháu Phạm Bảo N, sinh ngày 11/5/2014 cho chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh T cấp dưỡng cho con 1.500.000đồng/tháng, kể từ tháng 7/2019 cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi, lao động tự lập được. Án phí: Đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật trong tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Theo đơn khởi kiện của anh Phạm Khắc T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn đối với chị Vũ Thị N là bị đơn; địa chỉ: T2, thị trấn Q, huyện K, tỉnh Hà Nam. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1

Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam. Chị Vũ Thị N có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Tại phiên tòa, không ai đề nghị hoãn phiên tòa nên đây là trường hợp bị đơn vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, do đó Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Phác T và chị Vũ Thị N kết hôn tự nguyện, được tự do tìm hiểu và có đăng ký ngày 10/11/2013 tại UBND thị trấn Q, huyện K, tỉnh Hà Nam. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng sống không hợp nhau nên thường xuyên xảy ra to tiếng, cãi chửi nhau. Vợ chồng sống ly thân và chấm dứt quan hệ vợ chồng từ tháng 9 năm 2018 cho đến nay, không quan tâm đến cuộc sống, tình cảm của nhau. Qua tài liệu xác minh và lời thừa nhận của các đương sự thì mâu thuẫn của vợ chồng anh T, chị N đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh T ly hôn, chị N nhất trí, cả hai xác định tình cảm vợ chồng không còn. Việc thuận tình ly hôn giữa anh T và chị N là tự nguyện, có căn cứ, phù hợp với Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Anh Phạm Khắc T và chị Vũ Thị N có một con chung là cháu Phạm Bảo N, sinh ngày 11/5/2014. Khi ly hôn anh Trường và chị Nga cùng thoả thuận giao cháu N cho chị N nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh T cấp dưỡng cho con mỗi tháng 1.500.000đồng, kể từ tháng 7/2019 cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi, lao động, tự lập được. Xét thấy cháu N đang ở với chị N, được chị N nuôi dưỡng đảm bảo tốt về mọi mặt, sự thoả thuận nuôi con của anh T, chị N là tự nguyện, có căn cứ và phù hợp với quy định tại các Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân gia đình.

Về con riêng: Không có.

[4] Về tài sản chung, riêng; công nợ; công sức đóng góp và diện tích đất nông nghiệp: Không có.

[5] Về án phí: Anh Phạm Khắc T và chị Vũ Thị N thuận tình ly hôn nên mỗi bên phải chịu 50% án phí ly hôn sơ thẩm. Tại phiên tòa, anh Trường xin chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm (Anh T xin chịu thay cả phần án phí ly hôn sơ thẩm của chị N). Xét thấy, sự tự nguyện của đương sự là phù hợp được Hội đồng xét xử chấp nhận. Do anh T, chị N thoả thuận được với nhau về mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng nuôi con trước khi mở phiên tòa nên anh T phải chịu 50% mức án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[6] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 272; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 228; Điều 271; Điều 272; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự. Các Điều 55; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Phạm Khắc T và chị Vũ Thị N.

2. Về con chung: Giao cháu Phạm Bảo N, sinh ngày 11/5/2014 cho chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh T cấp dưỡng cho con 1.500.000đồng/tháng, kể từ tháng 7/2019 cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi, lao động tự lập được.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Án phí: Anh Phạm Khắc T chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm (Anh T xin chịu thay cho cả phần án phí ly hôn của chị N). Được đối trừ số tiền tạm ứng án phí anh T đã nộp 300.000đồng theo biên lai thu tiền số 0001563 ngày 12 tháng 6 năm 2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam và phải chịu 150.000đồng án phí cấp dưỡng cho con.

Án xử công khai sơ thẩm, anh T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Chị N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Kim Bảng;
- T.H.A dân sự huyện Kim Bảng;
- UBND TT Q;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Bùi Thị Nguyệt